

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Chùa,
huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Chùa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 428/SNN&PTNT-TL ngày 02/02/2021 và Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tại Tờ trình số 17/SC-QLDA ngày 19/01/2021 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt kết quả kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Chùa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kiểm định an toàn hồ chứa nước Đồng Chùa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa, bao gồm những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Đồng Chùa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Sông Chu.

3. Đơn vị lập báo cáo kết quả kiểm định: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng thủy lợi thủy điện chi nhánh Thanh Hóa.

4. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp III.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ: Kiểm tra, đánh giá chất lượng đập và công tác quản lý, vận hành đập, hồ chứa theo định kỳ nhằm xác định độ an toàn của đập; đưa ra thông báo, khuyến cáo để đơn vị quản lý có kế hoạch quản lý, vận hành, sửa chữa công trình phù hợp đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất, dân sinh.

6. Các thông số cơ bản của công trình:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số	
			Mới	Cũ
I	Các thông số của hồ chứa			
1	Mức nước dâng bình thường (MNDBT)	m	+8.70	+8.70
2	Mức nước chết (MNC)	m	+4.64	+4.64
3	Mức nước lũ thiết kế $P = 1,5\%$ (MNLTK)	m	+9.147	+9.192 ($P = 1\%$)
4	Mức nước lũ kiểm tra $P = 0,5\%$ (MNLKT)	m	+9.810	+9.854 ($P = 0,2\%$)
5	Dung tích toàn bộ	10^6m^3	2,281	2,368
6	Dung tích ứng với MNDBT	10^6m^3	1,758	1,758
7	Dung tích ứng với MNC	10^6m^3	0,19	0,19
8	Diện tích hồ ứng với MNDBT	ha	54,8	54,8
9	Diện tích hồ ứng với MNC	ha	12	12
10	Chế độ điều tiết		Năm	
II	Quy mô kết cấu các hạng mục chính			
A	Đập đất			
1	Chiều cao đập lớn nhất bao gồm cả tường chắn sóng	m	10	10
2	Chiều dài đỉnh đập	m	1.178	1.178
3	Cao trình đỉnh đập	m	+10.00	+10.00
4	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	+10.80	+10.80
5	Bề rộng mặt đập	m	4	4
B	Tràn xả lũ			
1	Hình thức tràn		Xả mặt, 2 cửa van cung	

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số	
			Mới	Cũ
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	+5.00	+5.00
3	Kích thước tràn nx(B×H)	m	2x(5×4)	2x(5×4)
4	Hình thức tiêu năng		Tiêu năng đáy	
5	Chiều dài dốc nước sau tràn	m	41,24	41,24
6	Lưu lượng xả lũ thiết kế (P = 1,5%)	m ³ /s	133,62	135,69 (P = 1%)
7	Lưu lượng xả lũ kiểm tra (P = 0,5%)	m ³ /s	165,19	
8	Chiều cao cột nước tràn (P = 1,5%)	m	4,147	4,192 (P = 1%)
9	Chiều cao cột nước tràn (P = 0,5%)	m	4,81	
C	Công lấy nước			
Hiện nay, công trình không còn nhiệm vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, chỉ cấp nước thô cho các nhà máy nước qua các trạm bơm lấy nước trực tiếp từ lòng hồ. Công ty TNHH một thành viên Sông Chu đã gia công bích cam phía hạ lưu công để làm kín nước.				

7. Kết quả kiểm định an toàn công trình:

7.1. Đánh giá chất lượng đập:

7.1.1. Kết quả đánh giá các hạng mục công trình:

- Đập đất: Qua kết quả khảo sát địa hình (cắt dọc, cắt ngang) đối chiếu với các tài liệu thiết kế, mặt đập tương đối ổn định, không có hiện tượng lún, biến dạng. Tường chắn sóng cơ bản ổn định nhưng do phần đá xây chân tường không kín mạch nên khi mực nước hồ đến trên cao trình (+10.00) m sẽ có nước rò qua chân tường chảy qua đỉnh đập (trận lũ ngày 03/8/2019 cho thấy nước đã chảy qua chân tường chắn sóng).

Mái thượng lưu cơ bản ổn định, riêng đoạn mái từ vị trí cách tường cánh vai tràn phía tả 62 m kéo dài về đầu đập phía tả 65 m, phần tiếp giáp giữa tấm bê tông mái và mặt đất nhiều vị trí bị rỗng (mặt dưới bê tông không tiếp đất), một số tấm có hiện tượng lún thấp (từ 2÷5) cm. Tại vị trí công lấy nước phần đá lát dưới cao trình (+7.50) m bị lún, sụt rộng từ tim công về phía tả 1,7 m, về phía hữu 2,5 m; đoạn từ cao trình (+7.50÷+8.00) m, bên trong tấm bê tông lát mái bị rỗng treo (đã được đắp đất nhưng kém ổn định).

Mái hạ lưu cơ bản ổn định, không có cây cối, cũng như tổ mối, hang hốc nhưng có một số vị trí lồi lõm không đáng kể; riêng rãnh thoát nước dọc đập có một số vị trí bị bong lở đá xây. Tại vị trí cách vai hữu 100 m về phía giữa đập ở ngay chân mái hạ lưu có hiện tượng nước thấm qua thân đập tạo ẩm đất và có nước đọng.

Căn cứ Bảng C.1, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng đập đất ở mức “**trung bình**”.

- Trần xả lũ: Phần thủy công cơ bản ổn định, cường độ bê tông tại các vị trí được kiểm tra cao hơn cường độ bê tông thiết kế và cho phép về yêu cầu cường độ chịu nén, đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành; bề mặt kết cấu bê tông không bị rạn nứt, xâm thực, tróc rỗ; riêng phần đất đắp mang tràn có hiện tượng lún sụt đoạn sau dốc tràn đến hết tiêu năng. Căn cứ Bảng C.3, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng tràn ở mức **“trung bình”**.

- Cổng lấy nước: Tháng 4/2015, cổng lấy nước bị rò mang công với lượng nước rất lớn, gây tổn thất nước hồ; mặt khác khi kiểm tra phía trước cổng phần đá lát khan bảo vệ mái bị sụt sâu ngay cạnh tường đầu công kéo về 2 phía (phía hữu 2,5 m, phía tả 1,7 m), khe nối số 1 và 2 bị rò nước nên kéo theo đất, cát gây lũng mang, sạt đá lát. Công ty TNHH một thành viên Sông Chu đã cho lặn chèn kín miệng công, tháo dỡ toàn bộ phần đá lát bị sụt, sau đó chèn vào lỗ lũng và dùng bao tải đất nhồi kín, xếp đầy lỗ lũng, gia công bích cam ép kín nước phía hạ lưu công. Căn cứ Bảng C.3, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng công ở mức **“tốt”**.

- Hệ thống vận hành: Thiết bị cơ khí và thiết bị đóng mở cửa van đang vận hành bình thường, kết cấu cửa van, goăng cánh cửa còn tốt; hệ thống cầu trục xe thả phai, tời, cáp nâng hạ cánh phai hoạt động bình thường, thường xuyên được bảo dưỡng; hệ thống điện đảm bảo vận hành cửa van và thấp sáng (có máy phát điện dự phòng) phục vụ công tác quản lý, vận hành. Căn cứ Bảng C.4, Phụ lục C - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng hệ thống vận hành ở mức **“tốt”**.

7.1.2. Kết quả đánh giá tổng hợp chất lượng đập:

Căn cứ kết quả đánh giá tại mục 7.1.1 nêu trên và Bảng 1 - TCVN 11699:2016, đánh giá chất lượng đập đất ở mức độ **“B”**.

7.2. **Đánh giá công tác quản lý, vận hành đập:**

7.2.1. Kết quả đánh giá:

- Công tác ghi chép, lưu trữ và quản lý số liệu: Đã thực hiện cơ bản đầy đủ theo quy định hiện hành tại công trình, Chi nhánh thị xã Nghi Sơn và Công ty TNHH một thành viên Sông Chu. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác ghi chép, lưu trữ và quản lý số liệu **“đạt yêu cầu”**.

- Công tác kiểm tra: Hàng tuần, hàng tháng, Chi nhánh đều đơn đốc, hướng dẫn công nhân thực hiện công tác kiểm tra công trình; các kết quả kiểm tra, đo đạc đều được Chi nhánh ghi chép sổ sách đầy đủ, gửi về Công ty. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác kiểm tra **“đạt yêu cầu”**.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng: Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình hàng năm được Công ty lập, phê duyệt nhưng việc tổ chức triển khai thực hiện chưa được kịp thời nên vẫn còn xảy ra tình trạng tẩm bê tông mái thượng lưu phần tiếp giáp với mặt đất của mái đập nhiều vị trí bị rỗng, rãnh thoát nước dọc đập hạ lưu có một số vị trí bị bong lở đá xây. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác duy tu, bảo dưỡng **“chưa đạt yêu cầu”**.

- Công tác quan trắc: Công tác quan trắc mực nước hồ, đo mưa, lưu lượng tràn đang được Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ, số liệu được phân tích,

đánh giá lưu trữ tại Công ty nhưng chưa có hệ thống mốc quan trắc chuyên vị, lún theo quy định. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác quan trắc **“chưa đạt yêu cầu”**.

- Công tác đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du: Đã cơ bản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP; tuy nhiên, Công ty chưa xây dựng được bản đồ ngập lụt hạ du, cắm mốc cảnh báo ngập lụt vùng hạ du, chưa lập và thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du **“chưa đạt yêu cầu”**.

- Các công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành đập, hồ chứa: Nhà quản lý; đường quản lý, vận hành; hệ thống thông tin liên lạc; vật tư phòng chống lụt bão đảm bảo thuận lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, vận hành đập. Căn cứ Bảng H.1 - TCVN 11699:2016, đánh giá các công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành đập, hồ chứa **“đạt yêu cầu”**.

7.2.2. Kết quả đánh giá tổng hợp:

Căn cứ kết quả đánh giá tại mục 7.2.1 nêu trên và Bảng H.2 - TCVN 11699:2016, đánh giá công tác quản lý, vận hành đập ở mức độ **“B”**.

7.3. Đánh giá an toàn chống lũ:

7.3.1. Kết quả tính toán điều tiết lũ: Trên cơ sở cập nhật số liệu mưa đến thời điểm hiện tại, tính toán lại điều tiết lũ thiết kế, lũ kiểm tra theo tiêu chuẩn hiện hành để đánh giá an toàn chống lũ của đập.

Bảng: Tổng hợp kết quả tính toán điều tiết lũ

TT	Phương án tính	Q _{đến-max} (m ³ /s)	Q _{xả-max} (m ³ /s)	W _{Max} (10 ⁶ m ³)	Z _{max} (m)
1	Lũ thiết kế 1,5%	224,40	133,62	2,09	+9.15
2	Lũ kiểm tra 0,5%	286,40	165,19	2,69	+9.81

Từ kết quả tính toán có thể cho thấy mực nước lũ thiết kế (+9.15) m và mực nước lũ kiểm tra (+9.81) m thấp hơn cao trình đỉnh đập (+10.00) m và thấp hơn cao trình đỉnh tường chắn sóng (+10.80) m:

- Trường hợp lũ thiết kế P = 1,5%: Mực nước lũ thiết kế là (+9.15) m, thấp hơn cao trình đỉnh đập (+10.00) m là 85 cm.

- Trường hợp lũ kiểm tra P = 0,5%: Mực nước lũ kiểm tra là (+9.81) m, thấp hơn cao trình đỉnh đập (+10.00) m là 19 cm.

7.3.2. Tính toán thủy lực tràn xả lũ:

Kết quả tính toán ứng với các tần suất P = 1,5% và 0,5%:

Bảng tổng hợp kết quả tính toán đường mặt nước và chiều cao tường bên, so sánh với chiều cao tường thực tế

Tần suất	Mặt cắt	H (m)	V (m/s)	h _{hk} (m)	H _{tính toán} (m)	H _{thực tế} (m)
P = 1,5%	Đầu dốc	2,40	4,84	2,52	2,82	3,20
	Cuối dốc	1,47	7,90	1,59	1,89	2,60

Tần suất	Mặt cắt	H (m)	V (m/s)	h _{hk} (m)	H _{tính toán} (m)	H _{thực tế} (m)
P = 0,5%	Đầu dốc	2,76	5,20	2,90	3,20	3,20
	Cuối dốc	1,74	8,26	1,88	2,18	2,60

Chiều cao tường bên thực tế của tràn đảm bảo xả lũ an toàn ứng với các tần suất P = 1,5% và 0,5%. Tuy nhiên, đoạn kênh dẫn sau tràn nhiều năm không được nạo vét, khi xả lũ dòng chảy bị ách tắc gây ngập lụt cục bộ một số vị trí nên cần hoàn trả mặt cắt kênh dẫn theo thiết kế để đảm bảo tiêu thoát lũ.

Bảng tổng hợp kết quả tính toán lưu tốc tràn, so sánh với lưu tốc không xói cho phép

Tần suất P = 1,5%					Tần suất P = 0,5%				
Mặt cắt	h (m)	ΔL_{tt} (m)	V _{tt} (m/s)	V _{kx} (m/s)	Mặt cắt	h (m)	ΔL_{tt} (m)	V _{tt} (m/s)	V _{kx} (m/s)
1	2,40	0,956	4,8413	17,93	1	2,76	0,419	5,2045	18,3
2	2,15	0,953	5,4042	17,93	2	2,58	8,955	5,5676	18,3
3	2,06	0,711	5,6404	17,93	3	2,05	1,848	7,007	18,3
4	2,01	23,620	5,7807	17,93	4	2,00	15,023	7,1822	18,3
5	1,47		7,9042	17,93	5	1,74		8,2554	18,3

Lưu tốc tính toán trong lòng dẫn ứng với các tần suất P = 1,5% và 0,5% đều nhỏ hơn lưu tốc không xói cho phép nên tràn xả lũ không bị xói.

7.3.3. Kết quả đánh giá an toàn chống lũ:

Căn cứ kết quả đánh giá tại các mục 7.3.1, 7.3.2 nêu trên và Phụ lục D - TCVN 11699:2016, đánh giá an toàn chống lũ ở mức độ “A”.

7.4. Đánh giá an toàn kết cấu đập:

7.4.1. Kết quả kiểm tra hiện trạng các kết cấu bê tông:

- Nội dung và phương pháp kiểm tra: Kiểm tra cường độ bê tông bằng phương pháp không phá hủy tại các vị trí mái thượng lưu đập, tràn xả lũ, cống lấy nước.

- Cường độ bê tông tại các vị trí kiểm tra đều cao hơn cường độ bê tông yêu cầu; bê tông đảm bảo chất lượng theo thiết kế.

7.4.2. Kết quả kiểm tra thực tế trong quá trình quản lý, vận hành:

Qua kết quả khảo sát địa hình (cắt dọc, cắt ngang) đối chiếu với các tài liệu thiết kế, mặt đập tương đối ổn định, không có hiện tượng lún, biến dạng và chuyển vị. Kết quả kiểm tra thường xuyên, đột xuất; kiểm tra trước, trong và sau mùa mưa, lũ đối với các hạng mục công trình như đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước,... đều ổn định.

7.4.3. Kết quả tính toán ổn định:

a) Các trường hợp để tính toán kiểm tra ổn định, gồm:

+ Trường hợp 1: Thượng lưu MNDBT (+8.70) m, hạ lưu không có nước - tổ hợp cơ bản.

+ Trường hợp 2: Thượng lưu MNLTK (+9.147) m, hạ lưu (+3.52) m - tổ hợp cơ bản.

+ Trường hợp 3: Thượng lưu MNLKT (+9.810) m, hạ lưu (+3.70) m - tổ hợp đặc biệt.

b) Các mặt cắt lựa chọn để tính toán: Mặt cắt giữa đập và mặt cắt hai bên sườn đồi.

c) Kết quả tính toán ổn định:

Trường hợp	Mặt cắt	Mức nước thượng lưu (m)	Mức nước hạ lưu (m)	K_{\min}	[K]	Kết luận
TH 1	Giữa đập	MNDBT (+8.70)		1,921	1,10	Ổn định
	Vai đập	MNDBT (+8.70)		3,756	1,10	Ổn định
TH 2	Giữa đập	MNLTK (+9.147)	3.52	1,803	1,10	Ổn định
	Vai đập	MNLTK (+9.147)	3.52	3,714	1,10	Ổn định
TH 3	Giữa đập	MTLKT (+9.810)	3.70	1,755	1,30	Ổn định
	Vai đập	MTLKT (+9.810)	3.70	3,653	1,30	Ổn định

Kết quả tính toán cho thấy tại các mặt cắt ứng với cả 3 trường hợp tổ hợp cơ bản và tổ hợp đặc biệt hệ số an toàn ổn định đều lớn hơn hệ số an toàn ổn định cho phép, đập đảm bảo an toàn.

7.4.4. Kết quả đánh giá an toàn kết cấu đập:

Căn cứ kết quả đánh giá tại các mục 7.4.1, 7.4.2, 7.4.3 nêu trên và Phụ lục F - TCVN 11699:2016, đánh giá an toàn kết cấu đập ở mức độ “A”.

7.5. Đánh giá an toàn thấm

7.5.1. Kết quả tính toán thấm:

a) Các trường hợp để tính toán kiểm tra thấm qua thân đập như tính toán kiểm tra ổn định theo mục 7.4.3.

b) Kết quả tính toán thấm:

Trường hợp	Mặt cắt	Mức nước thượng lưu (m)	Mức nước hạ lưu (m)	J	[J]	Kết luận
TH 1	Giữa đập	MNDBT (+8.70)		0,506	0,85	Đảm bảo điều kiện thấm
	Vai đập	MNDBT (+8.70)		0,186	0,85	Đảm bảo điều kiện thấm

Trường hợp	Mặt cắt	Mức nước thượng lưu (m)	Mức nước hạ lưu (m)	J	[J]	Kết luận
TH 2	Giữa đập	MNLTK (+9.147)	3.52	0,462	0,85	Đảm bảo điều kiện thấm
	Vai đập	MNLTK (+9.147)	3.52	0,258	0,85	Đảm bảo điều kiện thấm
TH 3	Giữa đập	MTLKT (+9.810)	3.70	0,547	0,85	Đảm bảo điều kiện thấm
	Vai đập	MTLKT (+9.810)	3.70	0,425	0,85	Đảm bảo điều kiện thấm

Kết quả tính toán cho thấy tại các mặt cắt ứng với cả 3 trường hợp tổ hợp cơ bản và tổ hợp đặc biệt đều đảm bảo điều kiện thấm. Tuy nhiên, trường hợp tính toán đập ứng với mức nước lũ kiểm tra, hạ lưu có nước thì đường bão hòa thấm ra áp sát mái hạ lưu đập nên về lâu dài cần gia cố thiết bị thoát nước kiểu áp mái ở các vị trí này để tránh xảy ra hiện tượng thấm ra mái ngoài hạ lưu đập.

7.5.2. Kết quả đánh giá an toàn thấm:

Căn cứ kết quả tính toán tại mục 7.5.1 nêu trên và Phụ lục E - TCVN 11699:2016, đánh giá an toàn thấm ở mức độ “A”.

7.6. Đánh giá tổng hợp an toàn đập:

Trên cơ sở kết quả đánh giá chất lượng đập, đánh giá công tác quản lý, vận hành đập, đánh giá an toàn chống lũ, đánh giá an toàn kết cấu đập, đánh giá an toàn thấm tại các mục 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5 nêu trên và căn cứ vào Bảng 3 - TCVN 11699:2016, kết quả đánh giá tổng hợp an toàn đập:

- Xếp loại an toàn đập: Xếp loại 2.

- Mức độ an toàn đập: Đập cơ bản an toàn, được phép vận hành nhưng phải tăng cường giám sát.

Bảng: Tổng hợp kết quả đánh giá an toàn đập

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ an toàn
1	Đánh giá chất lượng đập đất	B
2	Đánh giá công tác quản lý, vận hành đập	B
3	Đánh giá an toàn chống lũ	A
4	Đánh giá an toàn kết cấu đập	A
5	Đánh giá an toàn thấm đập đất	A
6	Đánh giá tổng hợp an toàn đập	Loại 2

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH một thành viên Sông Chu (chủ quản lý đập) có trách nhiệm thực hiện:

- Về công tác quản lý, vận hành đập:

+ Có kế hoạch lưu trữ hồ sơ dưới dạng hệ thống file điện tử; lập bản đồ ngập lụt hạ du; cắm mốc cảnh báo ngập lụt vùng hạ du; cắm mốc bảo vệ lòng hồ; lập phương án bảo vệ công trình trước mùa mưa bão năm 2021.

+ Xây dựng hệ thống mốc quan trắc chuyển vị, lún của đập đất để phục vụ cho công tác tính toán, dự báo an toàn công trình.

+ Khẩn trương sửa chữa những hư hỏng nhỏ, đồng thời, thường xuyên theo dõi, phát hiện những hư hỏng của công trình để kịp thời sửa chữa.

- Về an toàn chống lũ: Khắc phục phần đá xây chân tường chắn sóng không kín mạch để đảm bảo khi mực nước hồ đến trên cao trình (+10.00) m sẽ không bị rò nước qua chân tường; hoàn trả mặt cắt ngang đoạn kênh dẫn sau tràn xả lũ theo hồ sơ thiết kế.

- Về an toàn công trình hồ chứa: Qua kết quả đánh giá tổng hợp an toàn đập được xếp loại 2 - đập cơ bản an toàn, được phép vận hành bình thường nhưng cần phải tăng cường giám sát đảm bảo an toàn đập.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, đảm bảo an toàn cho công trình hồ chứa nước Đồng Chùa; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

3. Các Sở, ngành, UBND thị xã Nghi Sơn và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, phối hợp với Công ty TNHH một thành viên Sông Chu trong quá trình triển khai thực hiện bảo đảm an toàn hồ chứa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, TTPVHCC.
- } (để b/c);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang